

Số: 28/2010/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 21 tháng 7 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường
đối với khai thác khoáng sản

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 67/2008/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là các tổ chức, cá nhân khai thác các loại khoáng sản được quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 2. Danh mục và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

STT	LOẠI KHOÁNG SẢN	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU (đồng)
1	Sỏi, sạn	m ³	4.000
2	Cát vàng xây tô	m ³	3.000
3	Các loại cát khác	m ³	2.000
4	Đất sét, làm gạch, ngói	m ³	1.500
5	Đất làm thạch cao	m ³	2.000
6	Đất làm cao lanh	m ³	5.000
7	Các loại đất khác	m ³	1.000

8	Than bùn	tấn	2.000
9	Các loại than khác	tấn	4.000

Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu thuộc ngân sách địa phương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và Thông tư số 67/2008/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau mười ngày và đăng báo Cần Thơ chậm nhất năm ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, Ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Thanh Mẫn**